| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ NGHI SƠN**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2024/HNGĐ - ST
Ngày 16 - 01- 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Ngọc Sơn
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Tòng
Ông Lê Thế Hải

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Viết Chiến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Khắc Duyến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997
Nơi thường trú: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

*2. Bị đơn:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 1990
Nơi thường trú: Thôn Đ, xã P, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hòa trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 21/11/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn chỉ 5 tháng thì bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, không thể hòa hợp được, nên đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng sống ly thân thời gian dài, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Phạm Bảo N, sinh ngày 03/9/2017, cháu N hiện nay đang ở với anh H. Sau khi ly hôn do chị bận công việc ở xa nên chị nhường quyền nuôi con cho anh H, chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Phạm Văn H:* Anh H có địa chỉ thường trú tại Thôn Đ, xã P, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Hùng thông qua mẹ đẻ và em trai anh H, anh H có mặt tại địa phương đã biết việc chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh, nhưng cố tình không đến Tòa án để giải quyết vụ án và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H, theo biên bản xác minh ngày 01/12/2023 xác định: Anh H có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn Đ, xã P, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa, sau khi kết hôn với chị H vào năm 2016 thì vợ chồng có sinh sống cùng gia đình anh H tại thôn Đ xã P một thời gian sau đó vợ chồng ra quê chị H ở huyện H ở, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H địa phương không biết cụ thể và hiện nay vợ chồng đang sống ly thân, anh H và cháu Phạm Bảo N hiện nay đang ở cùng bố mẹ đẻ anh H tại thôn Đ, xã P.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh Phạm Văn H (anh H có mặt tại nhà nhưng từ chối không làm việc), ông Phạm Văn Ng (là bố đẻ anh H) cho biết: anh H và chị H kết hôn năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, sau khi kết hôn sinh sống cùng gia đình ông một thời gian thì ra quê ngoại chị H sinh sống, vợ chồng sống một thời gian ở quê ngoại thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, kể từ đầu năm 2018 chị H và anh H sống ly thân không quan tâm đến nhau. Anh H hiện nay làm nghề lái xe gần nhà, anh đã biết việc chị H khởi kiện ly hôn và nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh có nói việc cô H yêu cầu ly hôn là quyền của cô H và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh H và chị H có 01 con chung là Phạm Bảo N, sinh ngày 03/9/2017 hiện nay cháu N đang ở với anh H và ông, bà nội được ông, bà nội và bố chăm sóc tốt; nguyện vọng của anh H mong muốn khi ly hôn được trực tiếp nuôi con, việc cấp cấp dưỡng nuôi con tùy điều kiện của cô H.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước

khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Về hôn nhân giải quyết cho chị H được ly hôn anh H; Về con chung: giao cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 03/9/2017 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng; Về tài sản chung: chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị và anh H, anh H có địa chỉ thường trú tại xã P, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh H theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn và tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị sống ly thân thời gian dài mỗi người mỗi nơi, vợ chồng không gần nhau nên tình cảm phai nhạt. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H. Anh H đã biết việc chị H yêu cầu ly hôn, nhưng không đến Tòa án để giải quyết và tham gia phiên hòa giải, thể hiện anh H không tha thiết níu kéo hạnh phúc gia đình.

Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị H xác định trong cuộc sống vợ chồng giữa anh H và chị H không có hạnh phúc vợ chồng sống ly thân thời gian dài.

Căn cứ vào trình bày của các đương sự và kết quả xác minh có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa chị H và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh H có 01 con chung là Phạm Bảo N, sinh ngày 03/9/2017, khi ly hôn chị H đề nghị giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng; Theo bố đẻ anh H trình bày anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Thực tế hiện nay cháu N đang ở với anh H và ông, bà nội, anh H có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 03/9/2017 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con chung thực hiện định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi con thành niên là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu N.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án ly hôn, không thuộc trường hợp được miễn án phí, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 03/9/2017 cho anh Phạm Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, thực hiện định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng *(một triệu năm trăm nghìn đồng),* thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi con thành niên

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục

Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012605 ngày 13/10/2023. Chị H còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị H và anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- UBND phường P;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Sơn**